

ĐÔI NÉT VỀ QUAN HỆ DÂN TỘC XUYÊN QUỐC GIA CỦA MỘT SỐ TỘC NGƯỜI TẠI CHỖ VÙNG TÂY NGUYÊN

TRẦN MINH HẰNG

1. Đặt vấn đề

Quan hệ dân tộc (ethnic relation) được xem là một trong những vấn đề cơ bản của quá trình tộc người và là đối tượng nghiên cứu quan trọng của Dân tộc học/Nhân học. Quan hệ dân tộc xuyên biên giới (QHDTXBG) là mối quan hệ của một tộc người với đồng tộc hoặc khác tộc ở quốc gia khác. Mối quan hệ đó được biểu hiện trên nhiều lĩnh vực: kinh tế, văn hóa, tôn giáo, chính trị, môi trường... Mối quan hệ ấy không chỉ với các quốc gia có chung đường biên mà còn với cả những nước không chung biên giới. Sự phát triển của mối quan hệ dân tộc xuyên quốc gia (QHDTXQG) đã và đang tác động ngày càng mạnh mẽ đến phát triển kinh tế - xã hội và an ninh, quốc phòng của nước ta (Vương Xuân Tình, 2014). Bởi vậy, trong bối cảnh đó, cần nhận diện thấu đáo và có chính sách thích hợp để phát triển, quản lý mối quan hệ này.

Tây Nguyên là địa bàn chiến lược quan trọng về kinh tế, xã hội, môi trường, quốc phòng và an ninh của nước ta (Trương Minh Dục, 2005). Nghiên cứu về quan hệ dân tộc ở Tây Nguyên có nhiều ý nghĩa trong việc cung cấp những luận cứ khoa học nhằm khai thác tiềm năng và những thế mạnh về điều kiện tự nhiên - xã hội, thực hiện mục tiêu bình đẳng, đoàn kết dân tộc

cho vùng đất này. Nhận diện, đánh giá thực trạng, dự báo xu hướng phát triển của QHDTXQG và những ảnh hưởng của nó đến việc thực hiện chính sách dân tộc, tăng cường tính cố kết tộc người, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, phát triển bền vững các tộc người, ổn định chính trị và giữ vững an ninh chủ quyền vùng Tây Nguyên là những mục tiêu cơ bản của đề tài "*Quan hệ tộc người xuyên quốc gia của các tộc người vùng Tây Nguyên*" nằm trong khuôn khổ chương trình nghiên cứu về QHDTXQG thuộc đề tài cấp Bộ năm 2013 - 2014 của Viện Dân tộc học.

Bài viết này là một phần kết quả nghiên cứu của Đề tài, phản ánh thực trạng và những vấn đề đặt ra đối với QHDTXQG của một số tộc người tại chỗ ở Tây Nguyên hiện nay trong mối quan hệ với các yếu tố kinh tế, văn hóa - xã hội, chính trị, an ninh, quốc phòng và môi trường.

2. Phương pháp nghiên cứu

Mối QHDTXQG là một vấn đề phức tạp, bị chi phối bởi nhiều yếu tố. Chính vì vậy, nghiên cứu QHDTXQG cần được xem xét một cách tổng thể với cách tiếp cận liên ngành và đa chiều, bằng nhiều công cụ nghiên cứu khác nhau. Để đạt được các mục tiêu cơ bản của đề tài nghiên cứu về QHDTXQG từ góc nhìn dân tộc học và có được những số liệu cụ thể cho các chỉ số, chỉ

báo, chúng tôi đã sử dụng cả hai phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng với các công cụ thu thập số liệu chính là bảng hỏi định lượng; các hướng dẫn phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm, ghi chép quan sát; bảng thu thập thông tin và số liệu thống kê sẵn có.

- Nghiên cứu định lượng: Mẫu bảng hỏi có cấu trúc được soạn sẵn gồm các thông tin về: hộ gia đình, quan hệ kinh tế, văn hóa - xã hội, và mối liên hệ với người nước ngoài. Nghiên cứu này tập trung tìm hiểu mỗi QHDTXQG, trong đó chú trọng mỗi QHDTXBG, vì vậy, chúng tôi đã lựa chọn địa bàn là các tỉnh Tây Nguyên có biên giới, đó là: Đắk Nông, Đắk Lắk, Gia Lai và Kon Tum. Các tộc người tại chỗ được lựa chọn nghiên cứu là những tộc người chiếm đa số ở khu vực biên giới thuộc 4 tỉnh có biên giới với Lào và Campuchia. Tại mỗi tỉnh, chúng tôi chọn một huyện, mỗi huyện chọn một xã, mỗi xã chọn 1 - 2 thôn để thu thập các thông tin cho phiếu hỏi định lượng. Ở mỗi điểm nghiên cứu, các hộ gia đình được lựa chọn là dân tộc chiếm số đông ở khu vực đó. Ví dụ: người Giê - Triêng ở xã Đắk Nông (huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum), người Gia-rai ở xã Ia Dom (huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai), người Mnông ở xã Thuận An (huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông), người Ê-đê ở xã Krông Na (huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk). Khoảng 30% số hộ mỗi thôn được lựa chọn ngẫu nhiên để trả lời phiếu điều tra. Tổng số phiếu điều tra thu thập được là 297 phiếu cho cả 4 địa bàn nghiên cứu. Ngoài ra, các báo cáo tổng kết, các thông tin và số liệu thống kê sẵn có liên quan đến vấn đề nghiên cứu cũng được thu thập và tổng hợp theo bảng mẫu thiết kế sẵn. Các số liệu định lượng được nhập và xử lý bằng phần mềm SPSS 16.0.

- Nghiên cứu định tính: Do sự phức tạp và nhạy cảm của vấn đề QHDTXQG nên phương pháp nghiên cứu định tính được sử dụng như một phương pháp chủ đạo của nghiên cứu này. Các thông tin chi tiết hiện tượng và trải nghiệm của cá nhân, cộng đồng đối với môi trường QHDTXQG được thu thập bằng các công cụ: phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm và ghi chép quan sát. Các dữ liệu định lượng được quản lý và xử lý bằng phần mềm NVivo 8.0.

3. Đôi nét về Tây Nguyên và các tộc người được nghiên cứu

Tây Nguyên gồm 5 tỉnh: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng. Trong khi Kon Tum có biên giới phía Tây giáp với cả Lào và Campuchia, thì Gia Lai, Đắk Lắk và Đắk Nông chỉ có chung đường biên giới với Campuchia, còn Lâm Đồng không có đường biên giới quốc tế. Trên phương diện kinh tế - xã hội, có thể khái quát một số đặc điểm chủ yếu của Tây Nguyên hiện nay là: đói nghèo và phân hóa giàu nghèo rõ nét; cơ cấu dân tộc, tổ chức xã hội, tôn giáo, an ninh chính trị, vấn đề sở hữu và mâu thuẫn đất đai phức tạp và có nhiều biến động. Tây Nguyên có kết cấu dân cư, dân tộc đa dạng và phức tạp. Hiện nay, đã có sự hiện diện của 54 tộc người ở vùng này; trong đó, có 12 tộc người tại chỗ (Khổng Diễn, 2002; Bùi Văn Đạo, 2014), dân số 1.280.201 người (Tổng cục Thống kê, 2010), chiếm 25% dân số Tây Nguyên, cư trú đều khắp trên lãnh thổ 5 tỉnh. Trong đó, các dân tộc được nghiên cứu có dân số và phân bố như sau:

- Người Giê - Triêng: gồm các nhóm địa phương là Giê, Ve và Triêng. Theo số

liệu điều tra dân số năm 2009, người Giê - Triêng có 50.962 người, sinh sống chủ yếu ở tỉnh Kon Tum.

- Người Gia-rai: là dân tộc có số dân đông nhất trong các dân tộc tại chỗ ở Tây Nguyên. Người Gia-rai có khoảng 411.275 người (Tổng cục thống kê, 2010), tập trung chủ yếu ở tỉnh Gia Lai và phân bố rải rác ở một số tỉnh khác như Kon Tum, Đắk Lắk, Đắk Nông.

- Người Mnông: có dân số 102.741 người, đứng thứ 20 trong tổng số 54 dân tộc ở Việt Nam (Tổng cục thống kê, 2010), hầu hết cư trú tại tỉnh Đắk Lắk và Đắk Nông.

- Người Ê-đê: có dân số 331.194 người (Tổng cục thống kê, 2010), gồm các nhóm địa phương là Kpa, Adham, Ktul, Chor, Epan, Bô, Bih, Kdrao. Đa số người Ê-đê tụ cư ở tỉnh Đắk Lắk.

Do sự tác động của điều kiện kinh tế - xã hội, các dân tộc thiểu số tại chỗ phân bố thành hai nhóm: (1) Cư trú tại các vùng trung tâm, trên các cao nguyên đất đỏ, gần thành phố, thị trấn; và (2) Cư trú ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, miền núi. Nhóm dân tộc cư trú gần biên giới thường có đồng tộc sinh sống ở Lào, Campuchia và một số quốc gia khác (Bùi Minh Đạo, 2011).

Bên cạnh các tộc người thiểu số, người Kinh và các dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc di cư đến Tây Nguyên có số lượng đông đảo. Theo điều tra Dân số năm 2009, người Kinh có dân số là 3.362.479 người, chiếm gần 70% dân số Tây Nguyên; các dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc di cư tự do đến Tây Nguyên khoảng 400.000 người, chiếm trên 6% dân số Tây Nguyên. Đặc điểm về dân cư Tây Nguyên đã tạo nên những mối

quan hệ tộc người chủ yếu sau: (1) Quan hệ tộc người với quốc gia - dân tộc; (2) Quan hệ giữa các tộc người thiểu số với tộc người đa số; (3) Quan hệ giữa các tộc người thiểu số; (4) Quan hệ trong nội bộ tộc người; và (5) Quan hệ tộc người xuyên biên giới/quốc gia (Phạm Quang Hoan, 2014).

Những đặc điểm tự nhiên và kết cấu dân cư đa dạng đã tạo cho Tây Nguyên một bức tranh phong phú về văn hóa - xã hội, nhưng cũng là những thách thức đáng kể cho sự phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng và bảo vệ môi trường. Những thách thức này sẽ được phân tích và phân tích trong mối QHDTXQG của một số tộc người tại chỗ vùng Tây Nguyên ở phần tiếp theo.

4. Quan hệ dân tộc xuyên quốc gia của một số tộc người tại chỗ vùng Tây Nguyên

4.1. Quan hệ dân tộc xuyên quốc gia và yếu tố kinh tế

Tây Nguyên có vị trí đặc thù như vừa nêu trên nên các hoạt động kinh tế của vùng này có tác động không chỉ trong vùng mà còn đến các vùng lân cận, cả nội và ngoại biên. Hơn một thập niên gần đây, kinh tế Tây Nguyên đã đạt được một số kết quả đáng kể, đặc biệt trong mối quan hệ xuyên biên giới. Trong tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia, các tỉnh Tây Nguyên có nhiều lợi thế hơn so với 4 tỉnh Đông Bắc Campuchia và 4 tỉnh Nam Lào trên các phương diện về tiềm lực kinh tế, chuyển đổi cơ cấu kinh tế, sản xuất hàng hóa, cơ sở hạ tầng và nguồn nhân lực.

Nội dung hợp tác kinh tế xuyên biên giới giữa ba nước trong khu vực tam giác chủ yếu tập trung vào hai lĩnh vực: đầu tư và

trao đổi thương mại. Các hoạt động hợp tác trong lĩnh vực đầu tư tại khu vực tam giác phát triển chủ yếu diễn ra dưới hình thức đầu tư trực tiếp. Đến nay, tổng số vốn đầu tư của Việt Nam tại khu tam giác của Campuchia và Lào là 31 tỷ đô la Mỹ (USD) trong khi chỉ có 5 dự án có đầu tư của Lào với số vốn là 77,2 triệu USD và 2 dự án của Campuchia đầu tư vào các tỉnh tam giác của Việt Nam với số vốn là 18,2 triệu USD (Nguyễn Quang Thuấn, 2014).

Tại Lào, những lĩnh vực đầu tư chủ yếu của Việt Nam là thủy điện, khai thác khoáng sản, trồng cao su, điều, cà phê, mía và các cây công nghiệp khác. Tại Campuchia, những dự án đầu tư của Việt Nam tại vùng Đông Bắc nước này cũng tập trung chủ yếu trong lĩnh vực trồng và phát triển cây cao su, khai thác khoáng sản, phát triển thủy điện. Sự đầu tư của Việt Nam tại Lào và Campuchia đã góp phần giải quyết việc làm cho hàng chục ngàn lao động tại chỗ và các lao động người Việt Nam tại khu vực Tây Nguyên.

Về điều kiện kinh tế, nền kinh tế của các tỉnh Đông Bắc Campuchia và Nam Lào hiện tại vẫn là một nền sản xuất khá thô sơ, nhỏ bé và nặng về kinh tế tự nhiên. Cơ cấu kinh tế chủ yếu là nông lâm nghiệp với loại hình sản xuất nương rẫy lạc hậu và buôn bán, dịch vụ nhỏ lẻ, chủ yếu là kinh doanh quy mô nhỏ của các hộ gia đình.

Nhằm giúp các tỉnh biên giới gần Việt Nam của Lào và Campuchia phát triển kinh tế - xã hội, Chính phủ của ba nước đã ký kết những chính sách ưu đãi cho các công ty và doanh nghiệp xuất nhập khẩu một số mặt hàng như cao su tự nhiên, nông sản (hạt điều, đậu tương, khoai sắn...); nhập các loại

hàng thực phẩm, vật liệu xây dựng, xăng dầu; phát triển cơ sở hạ tầng như đường sá ở các khu vực hẻo lánh vùng biên giới; xây dựng các chợ biên giới, tạo điều kiện cho người dân ở các tỉnh biên giới nước bạn sang Việt Nam chữa bệnh.

Tây Nguyên có hai cửa khẩu quốc tế đang diễn ra các hoạt động thương mại nhộn nhịp là cửa khẩu Bờ Y (huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum) và cửa khẩu Lệ Thanh (huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai). Trên địa bàn Tây Nguyên còn có 7 cửa khẩu quốc gia là Đăk Blô và Đăk Long (huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum), Đăk Kôi (huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum), Đăk Peur (huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông), Bu Prăng (huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông) và Đăk Ruê (huyện Ea Súp, tỉnh Đăk Lăk - cửa khẩu này hiện chưa đi vào hoạt động). Ngoài các cửa khẩu khu vực biên giới, Tây Nguyên còn có các lối mở đường tiểu ngạch qua biên giới: Trạm Hồ Đá (huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum) và lối mở 751 (huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông). Trên thực tế, khá nhiều khu vực biên giới không có cửa khẩu song lại có lối mòn dân sinh (Nguyễn Duy Dũng, 2014). Tuy có nhiều cửa khẩu quốc gia và quốc tế, song việc giao thương chủ yếu là vận chuyển hàng hóa và các sản phẩm nông, lâm sản. Số lượng hàng hóa xuất nhập khẩu ở cửa khẩu Lệ Thanh năm 2013: nhập khẩu 261.036,499 tấn hàng hóa (chủ yếu là sắn, đậu tương và các nông sản khác) và 332,191m³ gỗ nhóm 1; xuất khẩu 89.662,46 tấn hàng hóa (chủ yếu là phân vi sinh, xi măng, sắt thép) và 7.397.319 cây cao su (Báo cáo của Bộ đội biên phòng cửa khẩu Lệ Thanh, 2013).

Việc phát triển các chợ biên giới còn nhiều hạn chế, với quy mô nhỏ, chỉ giới hạn trong phạm vi một vài thôn xã. Tại tỉnh Đăk

Nông, mạng lưới chợ biên giới gồm 4/7 xã biên giới: chợ Thuận An (huyện Đăk Mil), chợ Đăk Wil (huyện Cư Jut), chợ Đăk Busk So và chợ Quảng Trục (huyện Tuy Đức). Tỉnh Đăk Lăk dự kiến xây dựng 1 chợ cửa khẩu biên giới Đăk Rue (huyện Ea Súp) và 1 chợ biên giới xã Krông Na (huyện Buôn Đôn). Tỉnh Gia Lai có chợ cửa khẩu Lê Thanh nằm trong khu thương mại dù đã nhận được sự ưu đãi của tỉnh, song chỉ có khoảng 30 hộ kinh doanh không thường xuyên. Vào thời điểm chúng tôi đến thăm vào tháng 12 năm 2013, siêu thị ở cửa khẩu Lê Thanh đã phải đóng cửa vì vắng khách. Do thiếu cân trọng trong quy hoạch nên các chợ biên giới đã không có tính hợp lý về địa điểm, khả năng giao thương hàng hóa và nhu cầu của dân cư địa phương. Việc quy hoạch và xây dựng chợ biên giới là rất cần thiết, song cần được khảo sát một cách nghiêm túc, đặc biệt chú ý đến nhu cầu, tập quán của đồng bào tại chỗ để tránh tình trạng chợ xây xong nhưng không sử dụng, gây lãng phí lớn. Trong khi đó, tình trạng các tiểu thương, chủ yếu là người Kinh, chuyên chở hàng hóa bằng xe máy tới tận các buôn làng để bán “hàng rong” diễn ra khá phổ biến ở cả nội và ngoại biên.

Mặc dù đã có những cải thiện đáng kể nhưng đời sống kinh tế của đồng bào ở khu vực biên giới Tây Nguyên vẫn còn nhiều khó khăn, sản xuất nông nghiệp còn chiếm tỷ trọng khá lớn trong cơ cấu kinh tế. Mức sống của người dân ở đây nói chung còn thấp, thu nhập chủ yếu dựa vào trồng cây lương thực và cà phê. Lợi dụng sự nghèo đói của bà con, nhiều đối tượng vượt biên đã gửi tiền hàng về để mua chuộc, dụ dỗ những người nhẹ dạ, cả tin về một thế giới giàu

sang để xúi giục họ vượt biên bất hợp pháp. Ví dụ, riêng ở xã Thuận An năm 2013 có 38 trường hợp gửi tiền từ Mỹ về, trị giá 31.210 USD, 64.500.000 đồng và 74kg hàng hóa.

Những số liệu trên cho thấy hoạt động kinh tế biên giới khu vực Tây Nguyên vẫn chưa thực sự sôi động và khởi sắc. Đời sống của người dân khu vực biên giới và đồng bào dân tộc tại chỗ còn nhiều khó khăn, thu nhập chính của một bộ phận không nhỏ dân cư nơi đây dựa trên việc khai thác lâm sản trái phép, đào vàng... Mặc dù có ưu thế trong phát triển kinh tế cả về quy mô, cơ cấu kinh tế, cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực so với các khu vực khác của Lào và Campuchia nhưng Tây Nguyên vẫn chưa phát huy hết tiềm năng và lợi thế của mình trong hợp tác phát triển kinh tế xuyên biên giới, tạo nên sức hút về kinh tế và có sức lan tỏa làm động lực phát triển kinh tế cho toàn vùng.

4.2. Quan hệ dân tộc xuyên quốc gia và yếu tố xã hội

Mối QHDTXQG thường được thực hiện qua thờ cúng tổ tiên, tình cảm, trao đổi thông tin, hôn nhân, trợ giúp vật chất, buôn bán và hợp tác đầu tư giữa các thành viên trong gia đình, dòng họ và đồng tộc có quan hệ mật thiết. Mối quan hệ này diễn ra khá phổ biến ở người Mnông và Gia rai. Theo số liệu của tỉnh Đăk Nông, năm 2013, người Mnông có 1.126 hộ/5.909 nhân khẩu, trong đó có khoảng 242 hộ có quan hệ thân tộc với những người sinh sống ở Campuchia. Những hộ này chủ yếu sống ở hai bon Sa Pa và Bu Đăk thuộc xã Thuận An. Năm 2013, trên địa bàn xã Thuận An, có 746 người Campuchia lưu trú, 12 Việt Kiều Mỹ thăm thân, 2 người Mnông ở xã được bảo lãnh đi Mỹ.

Bốn dân tộc tại chỗ mà chúng tôi nghiên cứu đều có đồng tộc ở bên kia biên giới. Kết quả khảo sát cho thấy 42,2% được hỏi có người thân là họ hàng ở nước ngoài. Tỷ lệ này khá cao vì địa bàn của chúng tôi khảo sát là khu vực biên giới. Người thân của họ chủ yếu sống ở các nước Lào, Campuchia và Mỹ. Do lịch sử, chiến tranh,

các vấn đề chính trị và hội nhập quốc tế nhiều dân tộc tại chỗ ở Tây Nguyên có quan hệ xuyên quốc gia với họ hàng, thân tộc hoặc với những người đang sinh sống ở Mỹ, Canada, Úc và một số nước khác. Hiện nay, nhiều cộng đồng tộc người tại chỗ Tây Nguyên vẫn duy trì mối quan hệ với đồng tộc bên kia biên giới (Bảng 1).

Bảng 1. Tình hình quan hệ thân tộc xuyên quốc gia ở các điểm nghiên cứu

	Giê-Triêng		Gia-rai		Mnông		Ê-đê		Tổng số	
	SL (n=66)	%	SL (n=75)	%	SL (n=82)	%	SL (n=74)	%	SL (n=297)	%
Có người thân trong gia đình, dòng họ ở nước ngoài	14	21,2	24	32,0	67	81,7	21	28,4	126	42,4
Không có người thân trong gia đình, dòng họ ở nước ngoài	52	78,8	51	68,0	15	18,3	53	71,6	171	57,6

Nguồn: Kết quả điều tra thực địa của đề tài năm 2013, 2014.

Việc qua lại biên giới diễn ra khá phổ biến, mục đích chủ yếu là thăm người thân trong gia đình (68,7%), tham dự các nghi lễ gia đình, dòng họ (36,3%), tham dự các nghi lễ tộc người (6,7%), thăm người cùng dân tộc (4,7%), tham dự các nghi lễ tôn giáo (2,4%) và chữa bệnh (1,0%) (Bảng 2).

Do việc cư trú xen cài và giao lưu văn hóa, xu hướng kết hôn hỗn hợp các dân tộc diễn ra ngày càng phổ biến. Số liệu về kết hôn của xã Krông Na là một ví dụ: số cặp hôn nhân khác dân tộc tăng từ 14 lên 34, 34 và 35 trường hợp vào các năm 2010, 2011, 2012 và 2013. Tỷ lệ hộ có người trong gia đình kết hôn với người nước ngoài phổ biến hơn ở người Gia-rai (24,0%) và Mnông

(9,8%) so với người Ê-đê (2,7%) và Giê-Triêng (1,5%) (Bảng 3).

Một trong những vấn đề quan trọng được chính quyền địa phương quan tâm là việc qua lại giữa các cộng đồng dân tộc thiểu số tại chỗ vốn có mối quan hệ lâu đời. Mối quan hệ này được hình thành dựa trên không gian văn hóa tộc người, là nền tảng thúc đẩy mối quan hệ gắn bó giữa ba nước. Nhiều hoạt động giao lưu hữu nghị giữa chính quyền, tổ chức xã hội và nhân dân các xã, huyện, tỉnh biên giới được tổ chức. Tuy nhiên, những hoạt động này cũng cần được quản lý chặt chẽ khi một số lực lượng thù địch và phản động bên ngoài đã lợi dụng để kích động, làm rối loạn tình hình an ninh - chính trị trong vùng.

Bảng 2. Tình hình qua lại biên giới ở các điểm nghiên cứu

Tình hình quan hệ qua biên giới	Giê-Triêng		Gia-rai		Mnông		Ê-đê		Tổng số	
	SL (n=66)	%	SL (n=75)	%	SL (n=82)	%	SL (n=74)	%	SL (n=297)	%
Không	58	78,9	45	60,0	29	35,4	72	97,3	204	68,69
Thăm người thân trong gia đình, dòng họ	6	0,9	15	20,0	51	62,2	2	2,7	74	36,3
Thăm người cùng dân tộc	1	1,52	9	12,0	3	3,7	1	1,4	14	4,7
Chữa bệnh	0	0,0	0	0,0	3	3,7	0	0,0	3	1,0
Tham dự các nghi lễ gia đình, dòng họ	3	4,6	23	30,7	29	38,7	0	0,0	55	18,6
Tham dự các nghi lễ tộc người	0	0,0	6	8,0	14	17,1	0	0,0	20	6,7
Tham dự các nghi lễ tôn giáo	0	0,0	3	4,0	4	4,9	0	0,0	7	2,4

Nguồn: Kết quả điều tra thực địa của đề tài năm 2013, 2014.

Bảng 3. Tình trạng kết hôn với người nước ngoài ở các điểm nghiên cứu

Kết hôn với người nước ngoài		Dân tộc				Tổng (n=297)	
		Giê-Triêng (n=66)	Gia-rai (n=75)	Mnông (n=82)	Ê-đê (n=74)		
Gia đình có người kết hôn với người nước ngoài	Có	SL	1	18	8	2	29
		%	1,5	24,0	9,8	2,7	9,8
	Không	SL	65	57	74	72	268
		%	98,5	76,0	90,2	97,3	90,2

Nguồn: Số liệu điều tra thực địa của đề tài năm 2013, 2014.

4.3. Quan hệ dân tộc xuyên quốc gia và yếu tố tôn giáo

Ở Tây Nguyên, vấn đề dân tộc và tôn giáo ngày càng gắn kết chặt chẽ với nhau. Các cộng đồng dân tộc - tôn giáo hay liên dân tộc - tôn giáo đang có xu hướng ngày càng mở rộng. Xu hướng này biểu hiện rõ nhất trong cộng đồng tín đồ Tin Lành của các dân tộc tại chỗ ở Tây Nguyên hiện nay. Thông qua mối quan hệ tộc người, cộng đồng Tin Lành phát triển nhanh chóng (Vương Xuân Tình và Nguyễn Văn Minh, 2010). Mối quan hệ dân tộc - tôn giáo không chỉ bó hẹp trong phạm vi vùng mà còn lan tỏa sang vùng khác ở trong nước cũng như các nước khác như Lào, Campuchia, Mỹ... nơi có người đồng tộc sinh sống. Vấn đề này gây nên sự phân ly trong nội bộ tộc người do tác động của việc chuyển đổi từ tín ngưỡng truyền thống sang các tôn giáo khác. Động thái và hình thức quan hệ dân tộc - tôn giáo này làm gia tăng thêm tính phức tạp của vấn đề dân tộc và quan hệ dân tộc, tác động đến tính cố kết nội tộc người ở Tây Nguyên và quốc gia (Phạm Quang Hoan, 2014).

Việc truyền giáo của đạo Tin Lành trong vùng đồng bào dân tộc tại chỗ ở Tây Nguyên được thực hiện dưới nhiều hình thức, chủ yếu do lực lượng mục sư và tín đồ tại chỗ có từ trước năm 1975. Tuy nhiên, lực lượng này có sự hỗ trợ không nhỏ từ các tổ chức Tin Lành ở vùng đồng bằng và các tổ chức Tin Lành quốc tế. Hình thức hỗ trợ thường được ngụ ý qua viện trợ, từ thiện, nhân đạo...

Một vấn đề tôn giáo nổi lên ở Tây Nguyên trong thời gian gần đây là việc

giành giật tín đồ, mảnh đất màu mỡ là cộng đồng các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên. Điều này không chỉ diễn ra giữa các tôn giáo mà còn giữa các hệ phái trong cùng một tôn giáo. Chỉ tính riêng hai thôn Bu Đắc và Sa Pa ở xã Thuận An (huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông) đã có tới 557 hộ/2904 khẩu trong tổng số 601 hộ/3121 khẩu trong toàn huyện theo đạo Tin Lành. Sự phát triển tín đồ nhanh chóng của một số tôn giáo tạo ra những bất thường, xung đột giữa các tôn giáo, các hệ phái và ở cả những gia đình có thành viên theo những tôn giáo khác nhau. Việc giành giật và phát triển tín đồ tôn giáo ngoài mục đích phát triển đạo, khuếch trương tôn giáo, tăng kinh phí thu được từ tín đồ, thu hút nguồn tài trợ của nước ngoài, còn ẩn chứa những âm mưu chính trị (Chu Văn Tuấn, 2014).

4.4. Quan hệ dân tộc xuyên quốc gia và tình hình chính trị, an ninh quốc phòng

Tây Nguyên có một vị trí địa chính trị, quân sự trọng yếu về quốc phòng, an ninh. Trong những năm qua, cùng với sự đổi mới và hội nhập quốc tế của cả nước, Tây Nguyên đã có những những chuyển biến căn bản về kinh tế - xã hội, an ninh và quốc phòng.

Hoạt động của tổ chức Fulro, “Tin Lành Đè Ga” cơ bản đã bị ta phát hiện và đấu tranh phá rã. Nguy cơ biểu tình bạo loạn và gây rối an ninh từng bước bị đẩy lùi. Sự ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Đến nay, toàn vùng Tây Nguyên đã thoát khỏi tình trạng bất ổn về chính trị. Tuy nhiên, vấn đề an ninh, chính trị của Tây Nguyên vẫn phải đối mặt với

hiều khó khăn thách thức, tiềm ẩn nhiều nhân tố phức tạp, nếu không được xử lý tốt sẽ trở thành những nguy cơ ảnh hưởng đến ổn định chính trị - xã hội và sự phát triển bền vững của Tây Nguyên (Nguyễn Văn Tài, 2014).

Tình hình an ninh Campuchia sau bầu cử Quốc hội khóa V (tháng 7/2013) diễn biến phức tạp, có tác động, ảnh hưởng đến an ninh quốc gia Việt Nam, trực tiếp là địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam - Campuchia, trong đó có Tây Nguyên. Các đối tượng Fulro lưu vong tăng cường liên lạc vào nội địa và cơ sở ngầm ở Campuchia, lợi dụng tình hình bất ổn để đưa người về Campuchia hoạt động, ủng hộ và liên kết với đảng “Cứu nguy dân tộc Campuchia” (CNRP) để đấu tranh đòi thành lập “Nhà nước Đê Ga”, “Tin Lành Đê Ga”, mua đất làm “mật cứ” và lôi kéo, kích động người dân tộc tại chỗ Tây Nguyên vượt biên sang Campuchia tham gia biểu tình kêu gọi Liên Hiệp Quốc mở lại các “trại tị nạn”.

Thông qua các phương tiện liên lạc hiện đại như internet, điện thoại, thư điện tử (email) các tổ chức và phần tử phản động, lưu vong ở nước ngoài đã xây dựng các trang mạng xã hội (facebook) để lôi kéo thanh niên, học sinh, sinh viên các dân tộc thiểu số. Chúng cũng dùng các phương tiện này tuyên truyền các luận điệu phản động và các thông tin sai lệch, phát tán nhiều băng đĩa có nội dung phản động, tuyên truyền về “Nhà nước Đê Ga”. Để lôi kéo đồng bào dân tộc tại chỗ sang Campuchia, chúng đã tuyên truyền rằng thời gian tới Liên Hiệp Quốc và các tổ chức quốc tế sẽ lập lại trại tị nạn ở Campuchia để đón người dân tộc tại chỗ ở Tây Nguyên vượt biên sang, nếu Đảng Cứu

quốc Campuchia thắng cử trong cuộc bầu cử Quốc hội sắp tới thì “Nhà nước Đê Ga” sẽ được thành lập.

Tại các buôn làng, trong số các đối tượng tham gia Fulro, “Tin Lành Đê Ga” và tham gia các vụ biểu tình, bạo loạn, gây rối an ninh (năm 2001 và 2004) còn một số tồn tại tư tưởng “ly khai, tự trị”, tâm lý dân tộc hẹp hòi nên nguy cơ bất ổn, vượt biên vẫn tiềm ẩn.

4.5. Quan hệ dân tộc xuyên quốc gia và vấn đề môi trường

Tây Nguyên hiện nay đang là một vùng khai thác gỗ với quy mô lớn và khai phá đất rừng để canh tác nông nghiệp lớn nhất trên cả nước. Việc phát triển cây công nghiệp càng làm cho việc xâm lấn rừng xảy ra mạnh mẽ hơn. Năm 1995, đất lâm nghiệp chiếm tới 60,5% diện tích tự nhiên, tuy nhiên, theo kết quả giải đoán viễn thám của Bộ Tài nguyên và Môi trường năm 2012 diện tích rừng có trữ lượng ở Tây Nguyên chỉ có 1,8 triệu ha, độ che phủ thực tế chỉ đạt 32% (Báo cáo tại Hội nghị Bảo vệ và phát triển rừng Tây Nguyên tại Hội thảo ngày 14/3/2012 ở Buôn Ma Thuột). Việc quản lý lỏng lẻo, thiếu đất sản xuất dẫn đến việc khai thác rừng tràn lan không chỉ ở các tỉnh nội địa mà lan cả sang các tỉnh lân cận của Lào và Campuchia. Tình trạng khai thác gỗ “thổ phỉ” diễn ra khá phổ biến ở một số xã giáp biên. Đội ngũ khai thác gỗ này chủ yếu là người dân tộc tại chỗ vì họ quen biết địa hình và có người thân quen ở bên kia biên giới. Với sự móc nối của những người đồng tộc bên kia biên giới và việc mua chuộc lực lượng kiểm lâm, họ đã khai thác một khối lượng gỗ không nhỏ. Với các phương tiện gọn nhẹ là những chiếc xe máy được “độ”

để có thể chờ được nhiều hàng, đội ngũ này đã hoạt động khá cơ động. Tuy nhiên, rủi ro thường xuyên rình rập họ, tai nạn có thể xảy ra bất kỳ lúc nào. Theo người dân ở một thôn ở gần biên giới cho biết, mỗi năm trong thôn có tới hàng chục vụ tai nạn do chỡ gỗ, trong đó có vài người chết. Tình trạng này cũng đã diễn ra trong khi chúng tôi ở địa bàn nghiên cứu.

5. Những vấn đề đặt ra

Mối QHDTXQG chủ yếu hiện nay ở Tây Nguyên là quan hệ đồng tộc, quan hệ tôn giáo, chính trị. Mối quan hệ này tạo ra mạng lưới liên kết và cố kết tộc người xuyên/liên biên giới và ngày càng phát triển đa chiều, chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố: kinh tế thị trường, di dân, xu hướng liên kết cộng đồng dân tộc - tôn giáo, biến đổi môi trường, chính sách phát triển kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng của quốc gia và quốc tế, quá trình hội nhập quốc tế, toàn cầu hóa... Đó là cơ hội nhưng cũng là thách thức đối với việc củng cố, xây dựng và quản lý các mối quan hệ dân tộc, đặc biệt là quan hệ dân tộc xuyên quốc gia, góp phần thực hiện chiến lược đại đoàn kết dân tộc ở Tây Nguyên hiện nay. Mối QHDTXQG ở Tây Nguyên đặt ra nhiều vấn đề cần xem xét như sau:

- Mối quan hệ tộc người xuyên quốc gia ở một số tộc người được tăng cường nhưng nếu không được định hướng tốt sẽ làm cho ý thức tộc người nổi trội hơn ý thức quốc gia, có thể gây tổn hại đến tính thống nhất của quốc gia, dân tộc.

- Hợp tác kinh tế xuyên biên giới ở Tây Nguyên đã đạt được một số thành tựu bước đầu trong đầu tư và trao đổi thương mại. Tuy nhiên, Tây Nguyên và các cộng đồng dân tộc tại chỗ vẫn chưa phát huy hết

vai trò, lợi thế của mình trong hợp tác phát triển kinh tế, thương mại xuyên biên giới và thu hút đầu tư nước ngoài.

- Việc giao lưu văn hóa, qua lại thăm thân góp phần tăng cường mối quan hệ tốt đẹp và đoàn kết giữa các cộng đồng, đặc biệt là các cộng đồng đồng tộc ở hai bên biên giới nhưng nếu việc quản lý biên giới không tốt sẽ dẫn đến những bất ổn xã hội và vượt biên trái phép.

- QHDTXQG với các vấn đề dân tộc, tôn giáo có yếu tố nước ngoài ngày càng trở nên phức tạp với những diễn biến khó lường. Các mối quan hệ này nếu không được xử lý hợp lý có thể gây bất ổn đến quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

- Lợi dụng chính sách mở cửa của Đảng và Nhà nước ta, các thế lực thù địch sẽ tăng cường đưa lực lượng từ nước ngoài xâm nhập vào Tây Nguyên thông qua các con đường hợp pháp như: du lịch, thăm thân, hợp tác làm ăn kinh tế, hồi hương núp dưới danh nghĩa hoạt động của các tổ chức phi chính phủ đã móc nối, lôi kéo, kích động các phần tử phản động tham gia các hoạt động chống phá chính quyền, gây rối trật tự, tạo mâu thuẫn xã hội như khiếu kiện, biểu tình, bạo loạn, kích động vượt biên.

- Việc khai thác trái phép lâm sản ở khu vực biên giới, đặc biệt là hình thức khai thác “thỏ phi” vẫn diễn ra làm suy giảm diện tích rừng, tác động đến môi trường tự nhiên. Vì vậy, sự phối hợp lực lượng quốc phòng, an ninh với các lực lượng công an, hải quan, kiểm lâm, tài nguyên môi trường giữa các nước trong khu vực biên giới Việt Nam - Lào - Campuchia về quản lý và khai thác nguồn tài nguyên khoáng sản, đất đai, rừng cần được tăng cường hơn nữa.

Tài liệu tham khảo

1. Báo cáo của Bộ đội biên phòng cửa khẩu Lê Thanh năm 2013.
2. Khổng Diễm (2002), *Một số vấn đề phát triển kinh tế - xã hội buôn làng các dân tộc Tây Nguyên*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Trương Minh Dục (2005), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về dân tộc và quan hệ dân tộc ở Tây Nguyên*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Nguyễn Duy Dũng (2014), “Hợp tác kinh tế - xã hội xuyên biên giới ở Tây Nguyên: Những vấn đề đang đặt ra”, Báo cáo tại Hội thảo: *Những vấn đề và giải pháp quản lý quan hệ tộc người và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc ở Tây Nguyên*, Đề tài TN3/X05, Hà Nội.
5. Bùi Minh Đạo (2011), *Thực trạng phát triển Tây Nguyên và một số vấn đề phát triển bền vững*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Phạm Quang Hoan (2014), “Các mối quan hệ tộc người cơ bản ở Tây Nguyên trong bối cảnh hiện nay”, Báo cáo tại Hội thảo: *Phát triển kinh tế - xã hội đặc thù vùng Tây Nguyên: Những vấn đề cốt yếu và giải pháp*, Buôn Ma Thuột.
7. Nguyễn Văn Tài (2014), “Một số vấn đề cơ bản về quốc phòng và an ninh trong phát triển bền vững Tây Nguyên”, Báo cáo tại Hội thảo: *Phát triển kinh tế - xã hội đặc thù vùng Tây Nguyên: Những vấn đề cốt yếu và giải pháp*, Buôn Ma Thuột.
8. Nguyễn Quang Thuận (2014), “Hợp tác kinh tế xuyên biên giới khu vực tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia và vai trò của Tây Nguyên”, Báo cáo tại Hội thảo: *Phát triển kinh tế - xã hội đặc thù vùng Tây Nguyên: Những vấn đề cốt yếu và giải pháp*, Buôn Ma Thuột.
9. Vương Xuân Tình, Nguyễn Văn Minh (2010), *Quan hệ dân tộc ở vùng Tây Nguyên và Tây Nam bộ Việt Nam*, Báo cáo thường niên của Viện Dân tộc học, Thư viện Viện Dân tộc học.
10. Vương Xuân Tình (2014), “Nghiên cứu về quan hệ dân tộc ở Việt Nam (Từ năm 1980 đến nay)”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 1&2, tr. 7 - 21.
11. Tổng cục thống kê (2010), *Kết quả điều tra toàn bộ*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
12. Chu Văn Tuấn (2014), “Những vấn đề lý luận, thực tiễn của tôn giáo Tây Nguyên hiện nay và một số giải pháp, kiến nghị”, Báo cáo tại Hội thảo: *Phát triển kinh tế - xã hội đặc thù vùng Tây Nguyên: Những vấn đề cốt yếu và giải pháp*, Buôn Ma Thuột.